

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/HS-ST
Ngày 09-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bế Thị Chiều.

Bà Vương Ánh Ngân

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Văn Nhưồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1017/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1989 tại: QH, TK, Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm CM, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1971; có vợ: La Thị T, sinh năm 1986 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

2. Phương Văn Đ, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1993 tại: QH, TK, Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm CT B, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) 10/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Văn S, sinh năm 1960 và bà Giang Thị K, sinh năm 1958; có vợ Hoàng Thị N1, sinh năm 1995 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2012 Tòa án nhân dân H2ện Trà Lĩnh (nay là Tòa án nhân dân huyện TK), tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến ngày 25/6/2021, sau đó được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện nay tại ngoại tại nơi cư trú; (có mặt).

3. Hoàng Văn T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1994 tại: QH, TK, Cao Bằng.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm CM, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt nam; con ông Hoàng Văn Thắng, đã chết và bà Nông Thị T2, sinh năm 1966; có vợ Lý Thị H1, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2014 Tòa án nhân dân H2ện Trà Lĩnh (nay là Tòa án nhân dân H2ện TK), tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến ngày 25/6/2021, sau đó được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện nay tại ngoại tại nơi cư trú; (có mặt).

4. Hoàng Văn H2, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1998 tại: QH, TK, Cao Bằng.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm CM, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H3, đã chết và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

Người bào chữa:

+ Các bị cáo Hoàng Văn T, Phương Văn Đ có bà Đoàn Thị Tâm - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho các bị cáo theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; (có mặt).

+ Các bị cáo Hoàng Văn H2, Hoàng Văn H có bà Nguyễn Thị Dạ Thảo - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho các bị cáo theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1995. Địa chỉ: CT B, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 45 phút ngày 06/4/2021 tại đoạn đường giáp ranh giữa xóm CM, xã QH, H2ện TK và xóm C P, xã Tổng Cột, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng (cách Mốc Biên giới số 723 và 724 khoảng 01 km), Công an huyện HQ phối hợp với Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh Cao Bằng, Đồn Biên phòng Tổng Cột và Công an các xã QH, Tổng Cột phát hiện, bắt quả tang Hoàng Văn T (sinh năm 1994, trú tại xóm CM, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng) đang đưa dẫn 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép (có danh sách kèm theo) để giao cho một người lái xe taxi (không biết tên, tuổi, địa chỉ). Cách chỗ T1 khoảng 100 mét, tổ công tác phát hiện thêm Phương Văn Đ (sinh năm 1993, trú tại xóm

CT B, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng) điều khiển xe máy Honda Wave s màu đen, biển kiểm soát 11Y1- 007.51 đi trước cảnh giới. Bước đầu, T1 và Đ khai nhận cùng thực hiện hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép còn có Hoàng Văn H (sinh năm 1989), Hoàng Văn H2 (sinh năm 1998) cùng trú tại xóm CM, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng và Nông Văn T4 (sinh năm 1990, trú tại C T A, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng). Ngày 09/4/2021 H, H2, T4 đến Công an xã QH đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Đầu năm 2021, Hoàng Văn H có quan hệ làm ăn buôn bán với một người đàn ông Trung Quốc tên là “Khiao” (không biết tuổi, địa chỉ cụ thể) nên trưa ngày 06/4/2021 “Khiao” gọi điện qua Wechat thuê H đến khu vực Mốc 723 thuộc xã Tổng Cột, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng đón 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đưa xuống đường Quốc lộ thuộc xóm C T A, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng để giao cho một người lái xe ô tô, nếu trót lọt, “Khiao” trả tiền công cho H là 370 CNY (Nhân dân tệ)/người, đồng thời “Khiao” hẹn sáng hôm sau lên Mốc lấy tiền. H đồng ý và gọi điện thoại thuê T1, H2, Đ, T4 cùng thực hiện việc đón người, hứa trả tiền công sau khi xong việc. Ngoài ra H còn lập một Wechat nhóm phân công nhiệm vụ cho từng người để tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam. Cụ thể là: T1 lên Mốc 723 đón người, H2 canh gác lực lượng chức năng tại Mốc 723 và cùng T1 dẫn đường đưa người xuống đường Quốc lộ, T4 ở nhà xem xét động tĩnh của lực lượng biên phòng (vì nhà T4 ở đối diện Đồn Biên phòng CM), Đ sử dụng xe máy đi lại ngoài đường Quốc lộ đoạn từ xóm C T, xã QH đến xóm C P, xã T C để quan sát lực lượng chức năng và xe cộ qua lại kịp thời thông báo tình hình vào nhóm.

Khoảng 19 giờ ngày 06/4/2021, H bảo T4 đi xe máy lên nhà của T1 chờ T1 và H2 đến gần khu vực tiếp giáp giữa xã Tổng Cột, huyện HQ với xã QH, huyện TK. Sau đó T1, H2 đi bộ theo đường mòn lên Mốc 723 còn T4 quay về nhà tiếp tục canh giới. Khi T1, H2 lên đến Mốc thì thấy 10 người Trung Quốc. T1 gọi điện thoại cho H hỏi tại sao ban đầu báo là đón 06 người, bây giờ lại là 10 người thì được H cho biết chủ bên Trung Quốc vừa nhập thêm 04 người nên T1, H2 vẫy tay ra hiệu cho 10 người Trung Quốc bước theo sau để xuống đường Quốc lộ. Khi đi đến khu rẫy trồng ngô, H gọi cho H2 chạy ra ngoài con suối cạnh đường Quốc lộ khoảng 100 mét để xem đường, T1 sẽ dẫn người ra sau. Trong khi T1, H2 lên Mốc đón người, Đ điều khiển xe máy Honda Wave s màu đen biển kiểm soát 11Y1- 00751 đi lại đoạn đường giữa xã Tổng Cột, huyện HQ và xã QH, Huyện TK để quan sát xe cộ và trông chừng lực lượng chức năng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, theo chỉ Đ của H, Đ đi xe máy đến chỗ gốc cây to tại chợ Tổng Cột đưa cho người đàn ông lái xe ô tô màu nâu 07 chỗ (không biết tên, không rõ biển kiểm soát) đang dừng đỗ ở đó số tiền 6.000.000 đồng rồi quay lại tiếp tục canh giới

đường. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, H thông báo lên nhóm Wechat đã có xe ô tô đến đón người và bảo T1 dẫn 10 người Trung Quốc ra đường Quốc lộ để lên xe thì bị lực lượng chức năng phát hiện ngăn chặn, Đ cũng bị bắt giữ ngay sau đó, còn người lái xe ô tô đã điều khiển xe bỏ chạy, H2 bỏ trốn lên núi, sau đó được T4 và H đi xe máy đến đón về nhà. Đến ngày 09/4/2021, H, H2, T4 ra đầu thú tại Công an xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là đúng.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 132/CTr-VKSCB(P1) truy tố các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2, Phương Văn Đ về tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2, Phương Văn Đ về tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2, Phương Văn Đ phạm tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”*.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn H từ 06 năm đến 07 năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn T, Phương Văn Đ mỗi bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn H2 từ 04-05 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

- Đối với bị cáo Hoàng Văn T: 02 điện thoại gồm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, máy bị vỡ màn hình, số IMEI 867966048327294; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, số IMEI 865545057900050. Máy có gắn 01 sim.

- Đối với Nông Văn T4: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu

xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, số IMEI 862310058813759.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, số IMEI 866243057107061.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn H2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, máy bị vỡ màn hình, bật không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- Đối với bị cáo Phương Văn Đ:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, máy bật không lên nguồn không kiểm tra chi tiết bên trong;

+ ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE s màu đen bạc. Xe đeo biển kiểm soát 11Y1 - 007.51, xe đã qua sử dụng, phần nhựa xe nhiều chỗ bị xước nứt, vỡ, Số máy : JC52E4386318, Số khung: RLHJC5214CY259742.

Trả lại cho bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1995. Địa chỉ: CT B, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE s màu đen bạc. Xe đeo biển kiểm soát 11Y1 - 007.51, xe đã qua sử dụng, phần nhựa xe nhiều chỗ bị xước nứt, vỡ, Số máy : JC52E4386318, Số khung: RLHJC5214CY259742.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo trợ giúp viên pháp lý trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn H2: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của vị đại Viện kiểm sát về tội danh. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Cả 02 bị cáo khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã đến Công an xã QH để đầu thú; về nhân thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực biên giới, điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; cả 2 bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo Hoàng Văn H có ông nội là Liệt sĩ; bị cáo Hoàng Văn H2 có ông nội là người có công với cách mạng và đang phải chăm sóc mẹ đẻ bị bệnh ung thư vú; Về thái độ khai báo, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cả 02 bị cáo trong quá trình điều tra đã nhiều lần cung cấp thông tin cho lực lượng chức năng phát hiện tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo Hoàng Văn H hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt 04 năm tù, bị cáo Hoàng Văn H2 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Cả 02 bị cáo không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Bà Đoàn Thị Tâm trợ giúp viên pháp lý trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn T, Phương Văn Đ: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và

lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Các bị cáo thực hiện hành vi do không nhận thức được hậu quả, chỉ vì muốn có thu nhập, không có động cơ mục đích khác. Về nhân thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực biên giới, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tiền án, tiền sự, đều làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, bị cáo T1 có thời gian tham gia Quân đội được tặng giấy khen và có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3. Các bị cáo có thái độ khai báo, thành khẩn, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình; đối với bị cáo T1 đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình xử, xử bị cáo T1 mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Đối với bị cáo Đ, do bị cáo Đ chỉ giữ vai trò thứ yếu đề nghị áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng vụ án đề nghị trả lại xe máy cho gia đình bị cáo Đ vì xe này nguồn tiền mua xe là của bố mẹ mua cho và là phương tiện duy nhất của gia đình.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Phương Văn Đ không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, cả 04 bị cáo đều hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Để các bị cáo sớm được quay lại với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai của các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2, Phương Văn Đ tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06/4/2021 tại trụ sở Công an xã Tổng Cọt, H2ện HQ, tỉnh Cao Bằng; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Hoàng Văn H và Hoàng Văn H2; Biên bản trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại di động của các bị cáo bị tạm giữ; các bản tự khai, biên bản ghi lời khai,

biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên, người bào chữa; cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm đón người nhập cảnh, động cơ mục đích thực hiện hành vi; xét thấy việc thu thập chứng cứ của cơ quan Điều tra là khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có cơ sở kết luận:

Ngày 06/4/2021, Hoàng Văn H được một người đàn ông Trung Quốc gọi điện qua mạng xã hội thuê đón 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại Mốc 723 thuộc xóm C T A, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng, sẽ được trả tiền công là 370 CNY (Nhân dân tệ)/người. H đồng ý và rủ Phương Văn Đ, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2 cùng thực hiện. Sau khi H phân công, các bị cáo đã tổ chức đón, dẫn 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực Mốc 723 nhưng khi nhóm người người Trung Quốc chuẩn bị lên xe ô tô để tiếp tục đi sâu vào nội địa Việt Nam thì bị lực lượng chức năng phát hiện ngăn chặn.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích hưởng lợi về kinh tế. Hành vi tổ chức đón 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực mốc 723 của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, 04 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hoàng Văn H là người giữ vai trò chính, là người trực tiếp trao đổi với người Trung Quốc, là người rủ rê các bị cáo và cũng là người lập nhóm Wechat để phân công nhiệm vụ cho các bị cáo tổ chức đón 10 người Trung Quốc vào Việt Nam. Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2, Phương Văn Đ đều là người thực hành, giúp sức, trong đó bị cáo Hoàng Văn T là những người trực tiếp lên mốc 723 để đón người và dẫn những người Trung Quốc đi bộ đến gần đường quốc lộ; bị cáo Hoàng Văn H2, Phương Văn Đ là người thực hiện việc cảnh giới lực lượng chức năng.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định; nhận thức pháp luật của các bị cáo còn tồn tại nhiều hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế. Do các công dân Trung Quốc có nhu cầu sang Việt Nam tìm kiếm việc làm và các công dân được hứa hẹn trả tiền công cao khi làm việc tại Việt Nam.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc

giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc các bị cáo tự ý đón công dân Trung Quốc vào Việt Nam không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp, đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh covid-19 và chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

+ Bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn H2 nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

+ Bị cáo Hoàng Văn T, Phương Văn Đ là người có nhân thân xấu, cụ thể: Năm 2014 bị cáo Hoàng Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là Tòa án nhân dân huyện TK) xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Năm 2012 bị cáo Phương Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là Tòa án nhân dân huyện TK) tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”

- Về các tình tiết tăng nặng: Cả 04 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ:

+ Cả 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn H2 trong quá trình điều tra đã tích cực giúp đỡ và cung cấp thông tin cho lực lượng chức năng phát hiện tội phạm (có xác nhận của đồn Biên phòng cửa khẩu Trà Lĩnh và Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng); Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện cả 02 bị cáo đã ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội; Do đó, cả 02 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn H2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ các bị cáo đã được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Văn T,

Hoàng Văn H2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra; vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét về vai trò và nhân thân thì các bị cáo Hoàng Văn H, Phương Văn Đ, Hoàng Văn T cần có mức án cao hơn bị cáo Hoàng Văn H2; cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ cần xem xét chấp nhận. Tuy nhiên hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn H có phần nghiêm khắc vì bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo về hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, do vậy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này, liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo còn có người đàn ông Trung Quốc tên “Khiao” và người lái xe ô tô 07 chỗ đến đón 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên các đối tượng này đều không có họ tên, địa chỉ cụ thể, nên không đủ căn cứ để xử lý trong cùng một vụ án, nếu sau này phát hiện các đối tượng sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với Nông Văn T4, được cùng tham gia với 04 bị cáo H, H2, T1, Đ để tổ chức cho 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Tuy nhiên ngày 18 tháng 7 năm 2021 Nông Văn T4 bị đột tử chết. Căn cứ khoản 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cơ quan điều tra không khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nông Văn T4 là có căn cứ.

Đối với 10 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Cơ quan điều tra đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành trục xuất, đẩy đuổi về Trung Quốc.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; xét đề nghị của viện kiểm sát về xử lý số vật chứng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với vật chứng là điện thoại, các bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, cần xử tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo Hoàng Văn H, Phương Văn Đ, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2 phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phương Văn Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến ngày 25/6/2021.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến ngày 25/6/2021.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn H2 5 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án.

2. *Về xử lý vật chứng:*

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:*

- Đối với bị cáo Hoàng Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, số IMEI 86624305710706.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn H2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, máy bị vỡ màn hình, máy bật không lên nguồn không kiểm tra chi tiết bên trong.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn T: 02 điện thoại gồm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, máy bị vỡ màn hình, số IMEI 867966048327294; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, số IMEI 865545057900050. Máy có gắn 01 sim.

- Đối với Nông Văn T4: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, số IMEI 862310058813759.

- Đối với bị cáo Phương Văn Đ:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màn hình cảm ứng. Máy đã qua sử dụng, máy bật không lên nguồn không kiểm tra chi tiết bên trong;

+ ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE s màu đen bạc. Xe đeo biển kiểm soát 11Y1 - 007.51, xe đã qua sử dụng, phần nhựa xe nhiều chỗ bị xước nứt, vỡ, Số máy : JC52E4386318, Số khung: RLHIC5214CY259742.

* *Trả lại tài sản cho bà Hoàng Thị N1*, sinh năm 1995 Địa chỉ: CT B, xã QH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE s màu đen bạc. Xe đeo biển kiểm soát 11Y1 - 007.51, xe đã qua sử dụng, phần nhựa xe nhiều chỗ bị xước nứt, vỡ, Số máy : JC52E4386318, Số khung: RLHIC5214CY259742.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được CH2ển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 06 ngày 06 tháng 10 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn H, Phương Văn Đ, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Các bị cáo Hoàng Văn H, Phương Văn Đ, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H2 có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N1 có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan ANĐT công an tỉnh CB;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HS vụ án; Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

